

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Danh Hoàng Duyên**

2. Bà: **Trần Thị Ngọc Trân**

3. Ông: **Đoàn Văn Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Văn Khanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Hồ Ngọc D (Tên gọi khác: Sóc T1, Dương Văn C1, Phạm Văn T2, Tư R, 10 H, Út C2) – Sinh năm: 1963, tại huyện T tỉnh An Giang. Nơi thường trú: Không nơi cư trú ổn định; Những nơi đã cư trú: Long Xuyên, An Giang; huyện Thốt Nốt, Cần Thơ; Thành phố Hồ Chí Minh; Kiên Giang; Campuchia. Chỗ ở: Số 83 Võ Trường Toản, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết đọc, viết; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc D1 (Rỡ) và bà Trần Thị B (Lê Thị M); Vợ 1: Bùi Ng (đã chết); Vợ 2: Đoàn Thị L (Sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn); Con: 01 người, sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự:

- Ngày 28/5/1985 bị cáo bị TAND tỉnh Hậu Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân” và “Tàng trữ vũ khí trái phép”

- Ngày 22/8/2011 bị cáo bị TAND tỉnh An Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”, đến ngày 30/9/2015 được trả tự do, chưa chấp hành xong về trách nhiệm dân sự số tiền 37.842.457 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/3/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư **Nguyễn Trần Thụy Q**, thuộc văn phòng Luật sư Thụy Q, đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang, tham gia bào chữa chỉ định cho bị cáo (Có mặt).

- **Người bị hại:** Ông **Nguyễn Văn L** (Chết)

- **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:** Ông **Nguyễn Văn N** – Sinh năm: 1950 (Cha bị hại) (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Nguyễn Thị Kim M** – Sinh năm: 1978 (Vợ bị hại) (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp L, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ông **Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang

3/ Bà **Nguyễn Thị Thúy O**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 57A khu vực Thạnh Thắng, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

4/ Ông **Nguyễn Hoàng N1**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang

5. Bà **Đoàn Thị L** – Sinh năm: 1966 (Vợ bị cáo) (Có mặt)

Địa chỉ: Số 83 Võ Trường Toản, phường V, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 22/01/2019, Hồ Ngọc D đi từ thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến khu vực cầu 283 trên tuyến Quốc lộ 80 thuộc ấp Bình Thuận, xã B, huyện H để tìm người quen. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Hồ Ngọc D đi vào quán cà phê vắng của anh Phan Văn Tr ở gần đó nằm uống nước, anh Tr hỏi D sao giờ này đi bộ ở đây. D nói với ông Tr bị giao thông bắt xe, D hỏi ông Tr ở đây có xe ôm không và biết nhà Việt không, anh Tr nói ở đây có Việt bán cù tràm, Tr điện thoại cho Việt 02, 03 cuộc không được và cho D số điện thoại của Việt. Khoảng 15 phút sau D điện thoại gọi cho anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977, tạm trú ở ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang chạy xe ôm đến để đưa D về. Lúc này anh L đang ngồi

uống rượu tại nhà anh Nguyễn Văn B (Bút lục số: 183, 184). L nghe điện thoại của D hỏi ai vậy, D nói “Tur Râu” nè và kêu anh L chạy xe mô tô đến cầu 283 chở D đến nhà Sỹ Ao ở Kinh 2, xã M, huyện H bao nhiêu tiền, L nói giá 70.000 đồng rồi tắt máy. Khoảng 10 phút sau D tiếp tục điện thoại cho L, L nói đang trên đường chạy đến. Khoảng 21 giờ cùng ngày L điều khiển xe mô tô hiệu Future màu đỏ, biển kiểm soát 95C1 – 130.55 chạy đến cầu 283 không thấy D, L điện thoại hỏi D ở đâu, L đang ở trên cầu. D đi bộ lên cầu 283 gặp L đang đậu xe chờ. D lên xe mô tô L điều khiển chạy về hướng xã M, huyện H, trên đường đi D thấy L trong người có uống rượu, D hỏi L chạy xe được không, L nói được, khi xe đến trạm thu phí D kêu L chạy luôn không mua vé, D ngồi phía sau lấy 2000 đồng trả cho một người đàn ông. L chở D đến nhà Sỹ Ao ở khu dân cư phía sau UBND xã M, D vào kêu cửa không có ai trả lời, có một người đàn bà (không rõ nhân thân) đi ngang qua nói Sỹ Ao chuyển nhà qua xã Mỹ Phước. D hỏi L đi luôn không, L nói đi luôn, D hỏi giá tiền bao nhiêu, L nói chú cháu không mà, tính sau. L quay đầu xe chở D chạy trên đường lộ bê tông về hướng Kinh 2, khúc vắng người không có nhà dân (bên trái kinh 2, bên phải ruộng lúa). L dừng xe lại kêu D trả tiền xe đọt đầu rồi mới đi tiếp (đoạn đường cầu 283 đến nhà Sỹ Ao), D hỏi L bao nhiêu tiền, L nói giá 170.000 đồng, D nói với L tao trả mày 50.000 đồng, lúc này mày nói giá 70.000 đồng, L nói với D do nói nhầm. D và L xảy ra cự cãi nhau, L chửi D nói ông có trả tôi không, ông xuống xe đi. L chửi D thô tục, D cũng chửi lại L. D bước xuống xe và lùi ra phía sau đuôi xe đứng, L dựng chân chống ngang bước xuống xe, đứng đối diện với D (xe vẫn nổ máy, đèn trước sau vẫn sáng). L móc cây dao trong người ra cầm trên tay trái, xông đến đâm D theo hướng từ trên xuống, D chụp được tay L và ngã người ra phía sau. Làm cho D và L té xuống đường lộ bê tông, D nằm dưới, L nằm trên. D gỡ lấy dao trên tay L, D cầm dao trên tay phải đâm vào phía sau vùng vai, cổ L nhưng không trúng, D dùng tay đẩy L ra, L khom người đứng dậy thì bị D cầm dao đâm 01 nhát trúng vào mạn sườn trái. L đứng lên bỏ đi lại ngồi trên yên chiếc xe mô tô, hai tay cầm lái, hai chân thung xuống hai bên yên xe, L quay đầu lại chửi D. D cầm dao đi lại phía sau lưng L cắt mạnh một nhát vào cổ, theo hướng từ trái qua phải, từ trước ra sau, từ ngoài vào trong, làm L không còn kháng cự lại được và ngã xuống đường cập lè trái, chân còn gác trên yên xe. D quăng bỏ cây dao xuống kinh và đẩy xác L xuống cập mé bờ kinh 2. D lấy chiếc xe mô tô mang biển số 95C1 – 130.55 của L chạy đi đến bến phà Khánh An, thành phố C, tỉnh An Giang và chạy qua biên giới Việt Nam, Campuchia khoảng 7 km thì xe hết xăng, lúc này còi báo động chiếc xe mô tô kêu lên, D không biết chỗ tắt nên D bỏ chiếc xe bên lề đường, D đón xe đi đến Phnompênh, Campuchia. Ngày

25/01/2019, D đi về Châu Đốc chuộc chiếc xe mô tô đang cầm cố cho anh Trần Tấn P (Nhí), ở tổ 4, khóm 11, xã V, thành phố C, qua ngày hôm sau 26/01/2019, D đem chiếc xe mô tô biển số 67L1 – 12980 cầm lại cho anh P số tiền 10.500.000 đồng rồi bỏ trốn. Đến ngày 02/3/2019, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Kiên Giang bắt khẩn cấp, sau đó bị khởi tố tạm giam cho đến nay.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 141, ngày 30/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Kiên Giang kết luận Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương vùng cổ kích thước 14cm x 5,5cm, bờ mép sắc gọn, vết thương gây đứt lìa khí quản, thực quản, cơ ức đòn chũm hai bên, động mạch cảnh chung bên phải, động tĩnh mạch cảnh chung bên trái, đứt một phần đốt sống cổ C3.

- Vết thương vùng mạn sườn trái kích thước 3cm x 1cm, bờ mép sắc gọn, sâu thủng vào ổ bụng theo hướng chéo sang trái gây đứt bờ dưới gan trái dài vào dạ dày.

- Ổ bụng có khoảng 50ml máu loãng.

2. Nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp do vết thương vùng cổ và mạn sườn gây đứt động tĩnh mạch cảnh và gan.

3. Vật gây thương tích: Vết thương trên người Nguyễn Văn L dẫn đến tử vong có đặc điểm phù hợp với đặc điểm của vết thương do vật sắc nhọn gây nên.

* Tại bản kết luận giám định số 1146/C09B của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu thu được tại hiện trường trùng với kiểu gen của Nguyễn Văn L.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS, ngày 04/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

- Một xe mô tô, loại hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại FUTUREFI, dung tích xi lanh 125 cm², nước sản xuất: Việt Nam, năm sản xuất 2015, biển số kiểm soát 95C1 -130.55 có giá trị tại thời điểm tháng 01/2019 là: 22.620.000 đồng.

*** Vật chứng vụ án:**

- Một áo khoác dài tay màu đen;
- Một áo thun ngắn tay màu trắng;
- Một quần tây (quần dài bằng vải) màu đen;
- Một gói thuốc HERO;
- Một cái hộp quẹt (bật lửa) ga;
- Một đôi dép màu trắng, quai kẹp màu nâu;
- Một chiếc dép (bên trái) quai ngang bằng da màu đen;

- Một chiếc lưới hái (liềm) cán bằng cây hình tròn dài 17cm đường kính 3cm.

- Thu giữ trong người nạn nhân Nguyễn Văn L số tiền 625.000 đồng.

*Tại bản Cáo trạng số: 08/CT – VKSTKG – P2 ngày 14/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo **Hồ Ngọc D (Tên gọi khác: Sóc T1, Dương Văn C1, Phạm Văn T2, Tư R, 10 H, Út C2)** về các tội “**Giết người**” và “**Cướp tài sản**” theo quy định tại các điểm e, p khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Vị đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Hồ Ngọc D (Tên gọi khác: Sóc T1, Dương Văn C1, Phạm Văn T2, Tư R, 10 H, Út C2)** về các tội “**Giết người**” và “**Cướp tài sản**” theo quy định tại các điểm e, p khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vị đại diện Viện kiểm sát nhận định: Bị cáo biết và nhận thức được tính mạng cũng như tài sản hợp pháp của con người là bất khả xâm phạm, là vốn quý luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, có sự hiểu lầm nhau về việc thanh toán tiền xe ôm giữa bị cáo và bị hại mà bị cáo đã chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực hết sức nhẫn tâm, dùng dao đâm một nhát vào mạn sườn trái của bị hại và đặc biệt nguy hiểm hơn bị cáo tiếp tục dùng dao cắt gần hết vòng quanh cổ của bị hại làm cho bị hại chết ngay tức khắc, sau đó bị cáo kéo xác bị hại đẩy xuống kênh gần đó để che giấu hành vi phạm tội nhằm tránh sự phát hiện của mọi người nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Chưa dừng lại bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại bằng cách chiếm đoạt luôn chiếc xe mô tô của bị hại rồi sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã tước đi mạng sống và chiếm đoạt tài sản của của người khác một cách trái pháp luật. Người bị hại chết là nỗi đau mất mát lớn lao không gì bù đắp được cũng như làm tổn thất về mặt tinh thần rất lớn cho gia đình người bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất táo bạo, quyết liệt, hết sức tàn bạo mang tính giả mang, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây ra nỗi căm phẫn bất bình trong quần chúng nhân dân và còn gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh, cần thiết phải tuyên cho bị cáo mức án thật nghiêm nhằm thể hiện sự nghiêm trị của pháp luật cũng như mới có đủ thời gian cải tạo, có tác dụng răn đe, giáo dục chung.

Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội tác động gia đình khắc phục được một phần tiền mai táng phí cho gia đình bị hại... Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hình phạt:**

+ **Áp dụng:** Điểm e và p khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 2 Điều 168 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 55 và Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Hồ Ngọc D (Tên gọi khác: Sóc T1, Dương Văn C1, Phạm Văn T1, Tư R, 10 H, Út C2)** – Mức án **tù chung thân** về tội “**Giết người**” và mức án từ **08 năm đến 09 năm** tù về tội “**Cướp tài sản**”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **tù chung thân**.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 589, 591 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N cha ruột bị hại Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí mai táng phí và các khoản chi phí hợp lý khác với số tiền 124.500.000 đồng và bồi thường tiền tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật với số tiền là 149.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản trên là 273.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim M yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại giá trị chiếc xe theo giá trị định giá là 22.000.000 đồng.

Xét thấy các yêu cầu này của đại diện gia đình bị hại là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét theo quy định pháp luật.

Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bà Đoàn Thị L (người chung sống như vợ chồng với bị cáo Hồ Ngọc D) đã nộp khắc phục trước đó cho người đại diện hợp pháp của bị hại.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 09/01/2020 trả lại cho ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1974 (anh ruột nạn nhân) số tiền 625.000 đồng của nạn nhân Nguyễn Văn L.

- Đối với cây dao và chiếc xe mô tô biển số 95C1 -130.55 là tang vật vụ án liên quan đến hành vi phạm của bị cáo, sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã vứt bỏ Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang đã truy tìm nhưng không gặp nên không xét.

- Đối với các vật chứng, gồm: 01 (một) áo khoác dài tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần tây (quần dài bằng vải), màu đen; 01 gói thuốc Hero, 01 cái hộp quẹt (bật lửa) ga; 01 đôi dép màu trắng, quai kẹp màu nâu; 01 chiếc dép (bên trái) quai ngang bằng da màu đen; 01 lưới hái (liềm) cán bằng cây hình tròn dài 17cm, đường kính 3cm. Các vật chứng này hiện không còn giá trị sử dụng đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

*** Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau:**

Thông nhất quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh “Giết người và Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 123 và khoản 2 Điều 168 BLHS. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS vì cả hai tội bị cáo thực hiện đều là cố ý. Nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo theo quy định pháp luật.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo biết lỗi và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan...không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 22/01/2019, bị cáo đi

từ thành phố H, tỉnh Kiên Giang đến khu vực cầu 283 trên tuyến Quốc lộ 80 thuộc ấp B, xã S, huyện H để tìm người quen. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo Hồ Ngọc D đi vào quán cà phê vông của anh Phan Văn Tr ở gần đó nằm uống nước. Khoảng 15 phút sau D điện thoại gọi cho anh Nguyễn Văn L kêu chạy xe ôm đến cầu 283 chở D đến nhà Sỹ Ao ở Kinh 2, xã M, huyện H. Khoảng 21 giờ cùng ngày L điều khiển xe mô tô hiệu Future màu đỏ, biển kiểm soát 95C1 – 130.55 chạy đến cầu 283 chở D đến nhà Sỹ Ao ở khu dân cư phía sau UBND xã M nhưng không gặp, có một người đàn bà (không rõ nhân thân) đi ngang qua nói Sỹ Ao chuyển nhà qua xã Mỹ Phước. L quay đầu xe lại chở D chạy đi về hướng Kinh 2, khúc vắng người không có nhà dân. L dừng xe lại đòi tiền xe D rồi mới đi tiếp (đoạn đường cầu 283 đến nhà Sỹ Ao), D hỏi L bao nhiêu tiền, L nói giá 170.000 đồng, D với L tao trả mày 50.000 đồng, lúc này mày nói giá 70.000 đồng. D và L xảy ra cự cãi nhau, L chửi D và nói, ông có trả cho tôi không, ông xuống xe đi. L và D chửi nhau qua lại, D bước xuống xe đứng phía sau đuôi xe, còn L dựng chân chống ngang bước xuống xe, đứng đối diện với D (xe vẫn nổ máy, đèn trước sau vẫn sáng). L móc cây dao trong người ra cầm trên tay trái, xông đến đâm D. D chụp tay L gỡ lấy dao, D cầm dao trên tay phải đâm vào phía sau vùng vai, cổ L nhưng không trúng, D dùng tay đẩy L ra, L đứng dậy thì bị D cầm dao đâm 01 nhát trúng vào mạn sườn trái kích thước 3cm x 1cm. L đứng lên bỏ đi lại ngồi trên yên xe mô tô chửi D. D cầm dao đi lại phía sau lưng L cắt mạnh một nhát vào cổ kích thước 14cm x 5,5cm, gây đứt lìa khí quản, thực quản, làm L không còn kháng cự lại được và ngã xuống đường tử vong. D quăng bỏ cây dao xuống kinh, D lấy chiếc xe mô tô mang biển số 95C1 – 130.55 của L bỏ trốn qua biên giới Việt Nam, Campuchia khoảng 7 km thì xe hết xăng, D bỏ chiếc xe bên lề đường, D đón xe đi đến Phompênh, Campuchia. Đến ngày 02/3/2019, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang bắt khẩn cấp. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo về các tội “**Giết người**” và “**Cướp tài sản**” theo quy định tại các điểm e, p khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo biết và nhận thức được tính mạng cũng như tài sản hợp pháp của con người là bất khả xâm phạm, là vốn quý luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, có sự hiểu lầm nhau về việc thanh toán tiền xe ôm giữa bị cáo và bị hại, dẫn đến hậu quả bị cáo đã tước đi mạng sống của bị hại hết sức tàn bạo và nhẫn tâm. Đúng ra, bị cáo phải biết bình

tinh tìm cách giải quyết cho êm đẹp nhằm tránh những chuyện đáng tiếc có thể xảy ra khi không kiềm chế được bản thân mới phải. Trái lại lẽ đó, với bản tính hung hăng, thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực cộng với sự xem nhẹ tính mạng người khác, xem thường pháp luật...sau khi có vài lời qua tiếng lại với bị hại thì bị cáo đã dùng dao đâm một nhát vào mạn sườn trái của bị hại làm cho bị hại bị trọng thương không còn khả năng chống đỡ, sau đó bị cáo tiếp tục dùng dao cắt mạnh vào vùng cổ của bị hại làm đứt gần hết vòng quanh cổ của bị hại làm cho bị hại chết ngay tức khắc, điều này thể hiện ý thức của bị cáo muốn tước đoạt mạng sống của bị hại đến cùng. Chưa dừng lại, sau khi biết bị hại đã chết bị cáo kéo xác bị hại đẩy xuống kênh gần đó để che giấu hành vi phạm tội nhằm tránh sự phát hiện của mọi người nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, rồi chiếm đoạt luôn chiếc xe mô tô của bị hại và nhanh chóng tẩu thoát.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã tước đi mạng sống và chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Người bị hại chết là nỗi đau mất mát lớn lao không gì bù đắp được cũng như làm tổn thất về mặt tinh thần rất lớn cho gia đình người bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất táo bạo, quyết liệt, hết sức tàn bạo...gây ra nỗi căm phẫn rất lớn cho gia đình người bị hại, gây tâm lý hoang mang lo sợ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Với tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, cùng lúc bị cáo thực hiện phạm nhiều tội. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn đi nhiều nơi từ đó đã gây cản trở khó khăn rất lớn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang phải nhờ sự trợ giúp của Cảnh sát nước bạn Campuchia mới tìm bắt được bị cáo tại Vương quốc Campuchia. Mặt khác, xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị xét xử về các tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, cụ thể năm 1985 đã bị TAND tỉnh Hậu Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân” và “Tàng trữ vũ khí trái phép”, năm 2011 tiếp tục bị TAND tỉnh An Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”, đến nay chưa được xóa án tích thì bị cáo tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đây là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, HĐXX nhận thấy bị cáo không biết ăn năn, hối cải hoàn lương mà cứ trượt dài vào con đường phạm tội. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh, cần thiết phải tuyên cho bị cáo mức án tù không thời hạn nhằm thể hiện sự nghiêm trị của pháp luật mới có đủ thời gian cải tạo, giáo dục lại bị cáo cũng như có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đến cùng (đối với tội giết người) nên cần áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo là cần thiết.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, sau khi phạm tội tác động gia đình khắc phục được 10.000.000 đồng phần tiền mai táng phí cho gia đình bị hại, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ chi phí mai táng phí, tổn thất tinh thần và các chi phí khác theo yêu cầu của gia đình người bị hại...nghĩ nên cần áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng tại điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cũng như mức án mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án từ 08 đến 09 năm tù về tội cướp tài sản và chung thân về tội giết người là phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là chưa phù hợp, bởi trong vụ án này bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho đại diện gia đình bị hại 10.000.000 đồng tiền mai táng phí, nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng bị cáo đã bị truy tố hai tội danh trên là tội cố ý nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS làm tình tiết tăng nặng cho bị cáo là không phù hợp, HĐXX xét thấy ý kiến này của Luật sư là không cơ sở, bởi: Khi bị cáo đã thực hiện hành vi dùng dao đâm vào người bị hại, với vết thương này bị hại đã bị thương tích nghiêm trọng có thể dẫn đến tử vong nếu không cấp cứu kịp thời, sau đó bị cáo lại tiếp tục dùng dao cắt mạnh vào vùng cổ của người bị hại làm cho bị hại chết ngay tức khắc, rồi bị cáo kéo xác người bị hại đẩy về phía mé kinh để phi táng...như phân tích nhận định nêu trên. Do đó, Vị Luật sư đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 589, 591 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn N (cha ruột bị hại Nguyễn Văn L) yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí mai táng phí và các khoản chi phí hợp lý khác với số tiền 124.500.000 đồng, và yêu cầu bị cáo Hồ Ngọc D phải có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật với số tiền là 149.000.000 đồng, tổng cộng các khoản trên là **273.500.000** đồng. Và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim M (vợ bị cáo) có yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường lại giá trị chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt theo giá trị định giá còn lại là 22.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy yêu cầu này của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kim M là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho họ các khoản tiền trên là cần thiết. Tại tòa, bị cáo Hồ Ngọc D tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N và bà M (tổng số tiền trên là 295.500.000 đồng), HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo cho gia đình người bị hại là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bà Đoàn Thị L (người sống chung như vợ chồng với bị cáo) đã nộp khắc phục bồi thường trước đó cho người đại diện hợp pháp của bị hại. Vì vậy, bị cáo Hồ Ngọc D còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông Nguyễn Văn N và bà M là **285.500.000** đồng (Trong đó bồi thường cho ông Nguyễn Văn N là **253.500.000** đồng, bồi thường cho bà M là **32.000.000** đồng).

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà Đoàn Thị L, đã nộp khắc phục trước đó cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn N thay cho bị cáo, tại phiên tòa bà L không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên HĐXX không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Kiên Giang ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 09/01/2020 trả lại cho ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1974 (anh ruột nạn nhân) số tiền 625.000 đồng của nạn nhân Nguyễn Văn L nên HĐXX không xét nữa.

- Đối với cây dao (theo lời bị cáo khai nhận) mà bị cáo dùng làm hung khí để giết chết bị hại và chiếc xe mô tô biển số 95C1 -130.55 mà bị cáo đã chiếm đoạt của hại là tang vật vụ án đến hành vi phạm của bị cáo, sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã vứt bỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Kiên Giang đã truy tìm nhưng không gặp nên không xét.

- Đối với các vật chứng, gồm: 01 (một) áo khoác dài tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần tây (quần dài bằng vải), màu đen; 01 gói thuốc Hero, 01 cái hộp quẹt (bật lửa) ga; 01 đôi dép màu trắng, quai kẹp màu nâu; 01 chiếc dép (bên trái) quai ngang bằng da màu đen; 01 lược chải (liềm) cán bằng cây hình tròn dài 17cm, đường kính 3cm. Các vật chứng này hiện không còn giá trị sử dụng đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch 5% (295.500.000đ x 5%) = 14.275.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

* **Tuyên bố:** Bị cáo **Hồ Ngọc D** (Tên gọi khác: **Sóc T1, Dương Văn C1, Phạm Văn T2, Tư R, 10 H, Út C2**) phạm các tội “**Giết người**” và “**Cướp tài sản**” theo điểm e và p khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Áp dụng:** Điểm e và p khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 38 và Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Xử phạt:** Bị cáo **Hồ Ngọc D** (Tên gọi khác: **Sóc T1, Dương Văn C1, Phạm Văn T2, Tư R, 10 H, Út C2**) – **tù chung thân** về tội “**Giết người**” và **08 (Tám) năm tù** về tội “**Cướp tài sản**”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **tù chung thân**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 589, 591 Bộ luật dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hồ Ngọc D tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kim M số tiền **285.500.000** đồng. Trong đó, bồi thường cho ông Nguyễn Văn N tiền mai táng phí và tổn thất tinh thần là **253.500.000** (Hai trăm năm mươi ba triệu) đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim M là **32.000.000** (Ba mươi hai triệu) đồng (trong đó: 10.000.000 đồng tiền chi phí mai táng và 22.000.000 đồng là tiền bồi thường giá trị chiếc xe mô tô).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác dài tay màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần tây (quần dài bằng vải), màu đen; 01 gói thuốc Hero, 01 cái hộp quẹt (bật lửa) ga; 01 đôi dép màu trắng, quai kẹp màu nâu; 01 chiếc dép (bên trái) quai ngang bằng da màu đen; 01 lược chải (liềm) cán bằng cây hình tròn dài 17cm, đường kính 3cm.

Theo quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSKG – P2 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí án phí dân sự giá ngạch 5% là 14.275.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 12/6/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (3);
- Luật sư (1);
- Lưu (7);

Nguyễn Thành Quang